





CA NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **CORE DOMAIN SECTIONS**

1.Work Area and Client Preparation, and Set Up of Supplies (First client) (15 minutes)

2.Manicure and Polish Application (20 minutes)

3.Work Area and New Client Preparation, and Set Up of Supplies (Second client) (10 minutes)

1.Chuẩn bị khu vực làm việc và khách hàng, và bố trí dụng cụ chung (15 phút)

2.Làm móng và đánh bóng (20 phút)

3.Chuẩn bị khu vực làm việc và khách hàng mới, và bố trí dụng cụ chung (10 phút)



CA NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- 4. Nail Tip Application and Blending (20 minutes)
- 5. Sculptured Nail (20 minutes)
- 6. Blood Exposure Procedure (10 minutes)
- 4. Gắn đầu móng và kết hợp (20 phút)
- 5. Móng tạo hình (20 phút)
- 6. Thủ tục xử lý khi tiếp xúc với máu (10 phút)



CA NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **1. WORK AREA AND CLIENT PREPARATION AND SET UP OF SUPPLIES (15 minutes)**
- Verbal Instructions: Read to all candidates:
- “You will **prepare and set up your work area** for your client.”
- “You will **set up the universal supplies** that you will use throughout the examination.”
- **1. CHUẨN BỊ KHU VỰC LÀM VIỆC VÀ KHÁCH HÀNG, VÀ BỐ TRÍ DỤNG CỤ CHUNG (15 phút)**
- Hướng Dẫn Bằng Lời: Đọc cho tất cả thí sinh:
- “Bạn sẽ **chuẩn bị và sắp xếp khu vực làm việc** của bạn cho khách hàng.”
- “Bạn sẽ **sắp xếp các dụng cụ chung** mà bạn sẽ sử dụng trong thời gian thi.”



CA NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “You will also **set up the supplies for the manicure and polish application.**”
- “You will be expected to follow all client protection, safety and infection control procedures.”
- “You will have **15 minutes to complete this section.**”
- “Bạn cũng sẽ sắp xếp dụng cụ để làm móng và đánh bóng.”
- “Bạn sẽ phải thực hiện theo tất cả các quy trình bảo vệ khách hàng, quy trình an toàn và kiểm soát lây nhiễm.”
- “Bạn sẽ có 15 phút để hoàn thành phần này.”



CA NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “You will be informed when you have 8 minutes remaining.”
- “Turn the hand toward the examiner to indicate you have finished.”
- (1) “The instructions will be repeated.”
- (2) “You may begin.”
- “Bạn sẽ được thông báo khi bạn chỉ còn 8 phút.”
- “Xòe tay về phía giám khảo để cho biết bạn đã làm xong.”
 - (1) “Chúng tôi sẽ hướng dẫn lại.”
 - (2) “Bạn có thể bắt đầu.”



CA NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **1. WORK AREA & CLIENT PREPARATION & SET UP OF SUPPLIES (15 minutes)**
- **1.1 Disinfect all work areas.** Khử trùng khu vực làm việc.
- **1.2 Sanitize hands.** Vệ sinh tay.
- **1.3 Set up manicure and universal supplies.** Xếp vật liệu làm móng nước.
- **1.4 Sanitize hands.** Vệ sinh tay.



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **Verbal Instructions:** Read if all candidates indicated that they have completed the section before the timing has elapsed:
- “All candidates have indicated that they have completed this section of the examination, we will now proceed to the next section of the examination.”
- **Hướng Dẫn Bằng Lời:** Đọc nếu tất cả thí sinh đã xòe tay để cho biết họ đã hoàn thành phần thi trước khi hết thời gian:
- “Tất cả thí sinh đã cho biết rằng họ đã hoàn thành phần thi này, chúng tôi sẽ tiếp tục.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **Verbal Instructions:** Read if the timer goes off before all candidates have indicated they have completed the section of the exam before the time has elapsed:
- “Please stop working.”
- **Hướng Dẫn Bằng Lời:** Đọc nếu đồng hồ hẹn giờ kêu trước khi tất cả thí sinh đã xòe tay:
- “Vui lòng dừng làm bài.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **2. MANICURE & POLISH APPLICATION (20 minutes)**
- Verbal Instructions: Read to all candidates:
- “You will **perform manicure and polish application.**”
- “You will be expected to follow all client protection, safety and infection control procedures.”
- “You will have **20 minutes to complete this section.**”
- **2. LÀM MÓNG VÀ ĐÁNH BÓNG (20 phút)**
- Hướng Dẫn Bằng Lời: Đọc cho tất cả thí sinh:
- “Lúc này bạn sẽ **thực hiện kỹ thuật làm móng và đánh bóng.**”
- “Bạn sẽ phải thực hiện theo tất cả các quy trình bảo vệ khách hàng, quy trình an toàn và kiểm soát lây nhiễm.”
- “Bạn sẽ có **20 phút để hoàn thành phần này.**”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “You will be informed when you have 10 minutes remaining.”
- “Turn the hand toward the examiner to indicate you have finished.”
- (1) “The instructions will be repeated.”
- (2) “You may begin.”
- “Bạn sẽ được thông báo khi bạn chỉ còn 10 phút.”
- “Xòe tay về phía giám khảo để cho biết bạn đã làm xong.”
- (1) “Chúng tôi sẽ hướng dẫn lại.”
- (2) “Bạn có thể bắt đầu.”



NAIL TECHNOLOGY

PRACTICAL EXAMINATION

- **2. MANICURE & POLISH APPLICATION (20 minutes)**
2. LÀM MÓNG VÀ ĐÁNH BÓNG (20 phút)
- **2.1 Sanitize** Vệ sinh tay.
- **2.2 Sanitize mannequin hand.** Vệ sinh bàn tay giả.
- **2.3 Shape free edge.** Tạo hình cạnh tự do.
- **2.4 Immerse all fingernails in bowl of water.** Nhúng móng tay vào tô nước.
- **2.5 Apply cuticle remover.** Thoa chất tẩy biểu bì.
- **2.6 Push back cuticle.** Đẩy biểu bì.
- **2.7 Clean under free edge.** Vệ sinh bên dưới móng.



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **2.8 Brush or wipe nails to remove product or remaining debris.** Chải hoặc lau móng để loại bỏ cặn sản phẩm.
- **2.9 Buff nail.** Đánh bóng móng.
- **2.10 Apply cuticle oil.** Thoa dầu làm mềm biểu bì.
- **2.11 Apply massage product.** Thoa sản phẩm mát xa.
- **2.12 Perform massage on the fingers, top and palm.** Thực hiện mát xa ngón tay, mu bàn tay, và lòng bàn tay.
- **2.13 Cleanse each nail plate.** Vệ sinh từng bản móng.
- **2.14 Apply base coat.** Bôi lớp sơn nền.
- **2.15 Apply red polish.** Bôi nước bóng màu đỏ.
- **2.16 Apply top coat.** Bôi lớp sơn phủ.
- **2.17 Sanitize hands.** Vệ sinh tay.



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **Verbal Instructions:** Read to all candidates when examiners have finished checking the final appearance of the nails:
- “You will have **5 minutes to remove the polish** from all nails and properly dispose of supplies used in the previous section of the examination.”
- Hướng Dẫn Bằng Lời: Đọc cho tất cả thí sinh khi các giám khảo đã kiểm tra xong hình dạng của móng:
- “Bạn sẽ có **5 phút để loại bỏ sơn bóng** ra khỏi tất cả móng và vứt bỏ dụng cụ đã sử dụng trong phần trước của bài thi.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “You will be expected to follow all client protection, safety and infection control procedures.”
- “You will be informed when you have 2 minutes remaining.”
- “Turn the hand toward the examiner to indicate you have finished.”
- “Bạn sẽ phải thực hiện theo tất cả các quy trình bảo vệ khách hàng, quy trình an toàn và kiểm soát lây nhiễm.”
- “Bạn sẽ được thông báo khi bạn chỉ còn 2 phút.”
- “Xòe tay về phía giám khảo để cho biết bạn đã làm xong.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- (1) “The instructions will be repeated.”
- (2) “You may begin.”
- (1) “Chúng tôi sẽ hướng dẫn lại.”
- (2) “Bạn có thể bắt đầu.”
- **2.18 Sanitize hands.** Vệ sinh tay
- **2.19 Remove polish.** Tẩy nước sơn ở 5 móng
- **2.20 Clean up.** Dọn dẹp
- **2.21 Sanitize hands.** Vệ sinh tay



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **3. WORK AREA & NEW CLIENT PREPARATION & SET UP OF SUPPLIES (10 minutes)**
- Verbal Instructions: Read to all candidates:
- “You will **prepare your work area** for a NEW client.”
- **3. CHUẨN BỊ KHU VỰC LÀM VIỆC VÀ KHÁCH HÀNG MỚI, VÀ BỐ TRÍ DỤNG CỤ CHUNG (10 phút)**
- Hướng Dẫn Bằng Lời: Đọc cho tất cả thí sinh:
- “Bạn sẽ **chuẩn bị khu vực làm việc** cho một **khách hàng MỚI.**”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “You will **set up your work area** with the universal supplies that you will use for the remainder of the examination.”
- “You will also **set up for** the following sections:
 - **Nail tip application and blending**
 - **Sculptured nail**
- “Bạn sẽ **sắp xếp khu vực làm việc** bằng các dụng cụ chung mà bạn sẽ sử dụng trong phần còn lại của bài thi.”
- “Bạn cũng sẽ sắp xếp cho các phần sau đây của bài thi:
 - **Gắn đầu móng và kết hợp**
 - **Móng tạo hình**”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “You will be expected to follow all client protection, safety and infection control procedures.”
- “You will have 10 minutes to complete this section.”
- “You will be informed when you have 5 minutes remaining.”
- Bạn sẽ phải thực hiện theo tất cả các quy trình bảo vệ khách hàng, quy trình an toàn và kiểm soát lây nhiễm.”
- “Bạn sẽ có 10 phút để hoàn thành phần này.”
- “Bạn sẽ được thông báo khi bạn chỉ còn 5 phút.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “Turn the hand toward the examiner to indicate you have finished.”
- (1) “The instructions will be repeated.”
- (2) “You may begin.”
- “Xòe tay về phía giám khảo để cho biết bạn đã làm xong.”
 - (1) “Chúng tôi sẽ hướng dẫn lại.”
- (2) “Bạn có thể bắt đầu.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **3. WORK AREA & NEW CLIENT PREPARATION & SET UP OF SUPPLIES (10 minutes)**
- **3. CHUẨN BỊ KHU VỰC LÀM VIỆC VÀ KHÁCH HÀNG MỚI, VÀ BỐ TRÍ DỤNG CỤ CHUNG (10 phút)**
- **3.1 Disinfect all work areas.** Khử trùng khu vực làm việc.
- **3.2 Sanitize hands.** Vệ sinh tay.
- **3.3 Set up the nail tip and sculptured nail supplies.** Xếp đặt vật liệu làm đầu móng và móng tạo hình.
- **3.4 Sanitize hands.** Vệ sinh tay.



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **4. NAIL TIP APPLICATION AND BLENDING (20 minutes)**
- **Verbal Instructions: Read to all candidates:**
- “You will now perform nail tip application and blending.”
- “You will be expected to follow all client protection, safety and infection control procedures.”
- **“You will apply the nail tip to the _____ finger.”**
- **4. GẮN ĐẦU MÓNG VÀ KẾT HỢP (20 phút)**
- Hướng Dẫn Bằng Lời: Đọc cho tất cả thí sinh:
- “Lúc này bạn sẽ thực hiện kỹ thuật gắn đầu móng và kết hợp.”
- “Bạn sẽ phải thực hiện theo tất cả các quy trình bảo vệ khách hàng, quy trình an toàn và kiểm soát lây nhiễm.”
- **“Bạn sẽ gắn đầu móng cho ngón_____.” (KHÔNG ĐỌC: Lưu ý dành cho Giám Thị - Chọn bất kỳ ngón nào)**



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “You will have 20 minutes to complete this section.”
- “You will be informed when you have 10 minutes remaining.”
- “Turn the hand toward the examiner to indicate you have finished.”
- (1) “The instructions will be repeated.”
- (2) “You may begin.”
- “Bạn sẽ có 20 phút để hoàn thành phần này.”
- “Bạn sẽ được thông báo khi bạn chỉ còn 10 phút.”
- “Xòe tay về phía giám khảo để cho biết bạn đã làm xong.”
- (1) “Chúng tôi sẽ hướng dẫn lại.”
- (2) “Bạn có thể bắt đầu.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **4. NAIL TIP APPLICATION AND BLENDING (20 minutes)**
- **4. GẮN ĐẦU MÓNG VÀ KẾT HỢP (20 phút)**
- **4.1 Sanitize hands.** Vệ sinh tay.
- **4.2 Sanitize mannequin hand.** Vệ sinh tay giả.
- **4.3 Remove residual nail polish.** Loại bỏ sơn bóng còn lại.
- **4.4 Remove shine from nail plate.** Loại bỏ lớp bóng trên bản móng.
- **4.5 Remove dust from nail plate.** Lau sạch bụi trên bản móng.



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **4.6 Apply nail dehydrator product to nail plate.** Thoa thuốc tẩy độ ẩm lên phiến móng.
- **4.7 Select full-well tip and attach to nail plate of assigned finger.** Chọn móng giả và gắn lên phiến móng được chỉ định.
- **4.8 Trim and shape nail tip.** Cắt tỉa và tạo hình đầu móng.
- **4.9 Blend and finish nail tip.** Làm nhẵn và hoàn thành móng.
- **4.10 Sanitize hands.** Vệ sinh tay.



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **5. SCULPTURED NAIL (20 minutes)**
- **Verbal Instructions: Read to all candidates:**
- **“You will sculpt a nail on the _____ finger.”**
- **“You must use odorless product.”**
- **5. MÓNG TẠO HÌNH (20 phút)**
- **Hướng Dẫn Bằng Lời: Đọc cho tất cả thí sinh:**
- **“Bạn sẽ tạo hình móng cho ngón .” (KHÔNG ĐỌC: Lưu ý dành cho Giám Thị - Chọn bất kỳ ngón nào)**
- **“Bạn phải sử dụng một nhà sản xuất niêm phong, sản phẩm không mùi.”**



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “You will be expected to follow all client protection, safety and infection control procedures.”
- “You will have **20 minutes to complete this section.**”
- “You will be informed when you have 10 minutes remaining.”
- “Bạn sẽ phải thực hiện theo tất cả các quy trình bảo vệ khách hàng, quy trình an toàn và kiểm soát lây nhiễm.”
- “Bạn sẽ có 20 phút để hoàn thành phần này.”
- “Bạn sẽ được thông báo khi bạn chỉ còn 10 phút.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “Turn the hand toward the examiner to indicate you have finished.”
- (1) “The instructions will be repeated.”
- (2) “You may begin.”
- “Xòe tay về phía giám khảo để cho biết bạn đã làm xong.”
- (1) “Chúng tôi sẽ hướng dẫn lại.”
- (2) “Bạn có thể bắt đầu.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **5. SCULPTURED NAIL (20 minutes)**
- **5.1 Sanitize hand.** Vệ sinh tay.
- **5.2 Set up implements and supplies.** Xếp đặt sản phẩm.
- **5.3 Remove shine from nail plate.** Loại bỏ lớp bóng trên mặt móng.
- **5.4 Cleanse and dehydrate nail plate.** Làm sạch và khô mặt móng.
- **5.5 Apply nail form to fit snugly under free edge.** Lắp khuôn móng.



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **5.6 Apply nail primer to nail plate.** Bôi sơn lót trên mặt móng
- **5.7 Sculpt a nail to extend the free edge of assigned finger.** Tạo hình móng để kéo dài cạnh tự do của ngón đã chỉ định.
Tạo hình móng để kéo dài cạnh tự do của ngón đã chỉ định.
- **5.8 Shape, contour, and finish sculptured nail.** Tạo hình dạng, đường bao, và hoàn thiện móng tạo hình.
- **5.9 Sanitize hands.** Vệ sinh tay.



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **6. BLOOD EXPOSURE PROCEDURE (10 minutes)**
- **Verbal Instructions: Read to all candidates:**
- “You will now demonstrate the blood exposure procedure.”
“You will imagine the following scenario: During a service, your client has sustained a minor cut to the thumb.”
- **6. THỦ TỤC XỬ LÝ KHI TIẾP XÚC VỚI MÁU (10 phút)**
- “Lúc này bạn sẽ thực hiện thủ tục xử lý khi tiếp xúc với máu.”
- “Bạn sẽ tưởng tượng tình huống sau đây: Trong khi thực hiện một dịch vụ, khách hàng của bạn bị đứt ngón cái nhẹ.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- The injury is such that you can continue with the service. You have not come in contact with the blood and your work area has not been contaminated. You are expected to demonstrate the proper procedure for a blood exposure.”
- “You will be expected to follow all client protection, safety and infection control procedures.”
- Vết thương nhẹ ở mức bạn có thể tiếp tục dịch vụ. Bạn chưa tiếp xúc với máu và khu vực làm việc của bạn chưa bị bẩn. Bạn phải thực hiện thủ tục xử lý thích hợp khi tiếp xúc với máu.”
- “Bạn sẽ phải thực hiện theo tất cả các quy trình bảo vệ khách hàng, quy trình an toàn và kiểm soát lây nhiễm.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “You will have 10 minutes to complete this section.”
- “You will be informed when you have 5 minutes remaining.”
- “Step back to indicate you have finished.”
- (1) “The instructions will be repeated.”
- (2) “You may begin.”
- “Bạn sẽ có 10 phút để hoàn thành phần này.”
- “Bạn sẽ được thông báo khi bạn chỉ còn 5 phút.”
- “Bước lùi lại để thể hiện rằng bạn đã hoàn thành.”
- (1) “Chúng tôi sẽ hướng dẫn lại.”
- (2) “Bạn có thể bắt đầu.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **6. BLOOD EXPOSURE PROCEDURE (10 minutes)**
- **6. THỦ TỤC XỬ LÝ KHI TIẾP XÚC VỚI MÁU (10 phút)**
- **6.1 Sanitize hands.** Vệ sinh tay.
- **6.2 Remove materials from first aid kit.** Lấy nguyên liệu ra khỏi bộ dụng cụ sơ cứu
- **6.3 Wear gloves.** Đeo găng tay.
- **6.4 Clean injured area with antiseptic.** Vệ sinh vùng bị thương bằng chất kháng khuẩn.
- **6.5 Cover with dressing that is absorbent and secured.** Dùng băng thấm và cố định.
- **6.6 Dispose of all contaminated supplies.** Vứt bỏ tất cả đồ dùng bị nhiễm bẩn.
- **6.7 Sanitize hands.** Vệ sinh tay.



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- **CANDIDATE SUMMARY AND FINAL CLEAN UP**
- **TÓM TẮT DÀNH CHO THÍ SINH VÀ DỌN DẸP CUỐI CÙNG**
- Verbal Instructions: Read at the conclusion of the examination:
- “This concludes the National Nail Technology Practical Examination.”
- Hướng Dẫn Bằng Lời: Đọc khi kết thúc bài thi:
- “Phần này kết thúc Kỳ Thi Thực Hành Công Nghệ Làm Móng Quốc Gia.”



NAIL TECHNOLOGY PRACTICAL EXAMINATION

- “Make sure that all kit supplies and hazardous materials are taken with you.”
- “Do not dispose of hazardous materials or chemicals in the trash receptacles or restrooms.”
- “Đảm bảo rằng bạn mang theo tất cả bộ dụng cụ và các nguyên liệu nguy hiểm.”
- “Không được bỏ nguyên liệu hoặc hóa chất nguy hiểm vào thùng rác hoặc phòng vệ sinh.”